

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Mai Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Mai Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Mỹ N và anh Mai Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung tên:** Mai Thanh N1 sinh ngày 08/7/2013 và Mai Trần Hạnh N2 sinh ngày 04/02/2018, hiện tại chị N đang nuôi dưỡng.

Chị N và anh H thỏa thuận như sau:

Chị N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Mai Thanh N1 sinh ngày 08/7/2013 (theo nguyện vọng của con) và Mai Trần Hạnh N2 sinh ngày 04/02/2018, khi ly hôn.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị N và anh H không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:** Tòa án đã giải thích Điều 59, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị N và anh H không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Mỹ N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011364 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Hoàn trả cho chị N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu ngang;
- UBND xã Thuận Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh